

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **87** /2019/HNGĐ - ST

Ngày: 22-11-2019

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thanh Phương.

Ông Hoài Đức Huệ.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lương Thị Liên – Là Thư ký
Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai tham gia
phiên tòa:** Ông Vũ Đình Tứ – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 616/2019/TLST-HNGĐ ngày 15/8/2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Kim T, sinh năm 1986.

Địa chỉ thường trú: Ấp P, xã M, huyện M1, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1982.

Địa chỉ thường trú: Ấp P, xã M, huyện M1, tỉnh Sóc Trăng.

Tạm trú tại cơ sở trọ P1, ấp 2, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T vắng mặt, anh T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/5/2019 và các lời khai có tại hồ sơ, nguyên đơn chị Lê Thị Kim T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện M1, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận kết hôn số 19, quyển số 01 ngày 16/02/2009. Việc kết hôn do cả hai tự nguyện. Trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nhưng không

ng nghiêm trọng. Tuy nhiên, đến ngày 19/8/2018 giữa chị và anh T nảy sinh mâu thuẫn gay gắt do anh T ghen tuông vô cớ và có lời lẽ xúc phạm danh dự, nhân phẩm của chị và gia đình chị. Vì là mâu thuẫn trong gia đình nên chị T không báo chính quyền địa phương để được giúp đỡ. Do không thể hòa giải được nên chị và anh T đã sống ly thân từ 20/8/2018 cho đến nay. Chị hiện đang sống cùng 02 con tại quê ở Sóc Trăng còn anh T đang làm công nhân và sinh sống tại huyện N, tỉnh Đồng Nai. Nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Nguyễn Thị Chiêu M, sinh ngày 02/10/2014 và cháu Nguyễn Khánh Đ, sinh ngày 11/11/2010. Cháu M và cháu Đ hiện đang sinh sống cùng chị tại Sóc Trăng. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi hai con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay, chị đang làm công nhân, có mức thu nhập hàng tháng khoảng 8.000.000 đồng, chị có đủ khả năng để nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho anh Nguyễn Văn T các văn bản: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo giao nộp chứng cứ, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T không cung cấp lời khai, tài liệu chứng cứ và cũng không đến Tòa án làm việc nên không ghi nhận được ý kiến.

Ý kiến của cháu Nguyễn Khánh Đ: Tại bản tự khai ngày 22/8/2019, cháu Đ có nguyện vọng sống với chị T. Ngoài ra, không có yêu cầu gì thêm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T; giao 02 con chung là cháu M và cháu Đ cho chị T nuôi dưỡng, tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: đương sự khai không có nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được kiểm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tư cách tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lê Thị Kim T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Nguyễn Văn T, sinh năm 1982, địa chỉ: Ấp P, xã M, huyện M1, tỉnh Sóc Trăng, hiện đang sinh sống tại ấp 2, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn”; nguyên đơn là chị Lê Thị Kim T, bị đơn là anh Nguyễn Văn T và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Thị Kim T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh T vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T và anh T.

[3] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Kim T và anh Nguyễn Văn T có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã M, huyện M1, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 19, quyển số I ngày 16/02/2009, việc kết hôn do cả hai tự nguyện nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Chị Lê Thị Kim T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn T do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, anh vô cớ ghen tuông và có lời lẽ xúc phạm, danh dự nhân phẩm chị. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Xét thấy, cuộc sống hôn nhân của chị T và anh T đã có mâu thuẫn không thể hòa giải, vợ chồng không còn tin tưởng, tôn trọng và yêu thương lẫn nhau. Chị T và anh T đã có thời gian sống ly thân kéo dài từ tháng 8/2018 cho đến nay. Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh T đến Tòa án để lấy ý kiến và hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh T không chấp hành mà không có lý do. Như vậy, có đủ cơ sở xác định chị T và anh T đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về nuôi con chung: Chị T và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Chiêu M, sinh ngày 02/10/2014 và cháu Nguyễn Khánh Đ, sinh ngày 11/11/2010. Cháu M và cháu Đ hiện đang sinh sống cùng chị T tại Sóc Trăng. Chị T có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, có đủ khả năng kinh tế để nuôi dưỡng con chung. Cháu M là con gái, còn nhỏ, cần sự chăm sóc của mẹ và cháu Đ thì có nguyện vọng được sống với chị T. Do đó, Hội đồng xét xử giao 02 con chung là cháu M và cháu Đ cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

- Về tài sản chung: Chị T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Chị T khai không có nên không xét.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc “Ly hôn” của chị Lê Thị Kim T đối với anh Nguyễn Văn T.

Xử cho chị Lê Thị Kim T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thị Chiêu M, sinh ngày 02/10/2014 và cháu Nguyễn Khánh Đ, sinh ngày 11/11/2010 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn T được quyền đến thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về nợ chung: Đương sự khai không có nên không xét.

2. Về án phí: Chị Lê Thị Kim T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án Hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0003696 ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M1, tỉnh Sóc Trăng. Chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Chị T và anh T được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã M, huyện M1, tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Thu Trang

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thanh Phương Hoài Đức Huệ

Bùi Thị Thu Trang

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã M, huyện M1, tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thu Trang